TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày: 25-3-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Ngọc T; Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*:

Chị Nguyễn Thanh N, sinh năm 1975;

Anh Phan Thành C, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-12-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc T trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, vợ chồng chị Nguyễn Thanh N và anh Phan

Thành C có tham gia chơi 06 dây hụi do chị làm chủ thảo, cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây thứ nhất, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 10-7-2017, mãn ngày 10-02-2019. Vợ chồng chị N tham gia chơi một phần. Đến tháng thứ 2, tức ngày 10-8-2017, chị N kêu 350.000 đồng và hốt được số tiền 12.700.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Số tiền chị N thực nhận là 12.500.000 đồng. Chị N nhận hụi vào ngày 15-8-2017, nhưng do trước đó chị N còn nợ chị 1.000.000 đồng của dây hụi khác nên chị đã trừ ra và chị N nhận số tiền là 11.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi chết lại được 13 tháng thì ngưng không đóng hụi nữa, còn nợ lại chị 05 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng.

- Dây thứ hai, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 20-8-2017, mãn ngày 20-3-2019. Vợ chồng chị N tham gia chơi một phần. Đến tháng thứ 2, tức ngày 20-9-2017, chị N kêu 330.000 đồng và hốt được số tiền 13.060.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Số tiền chị N thực nhận là 12.560.000 đồng, chị N ký nhận hụi vào ngày 25-9-2017. Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi chết lại được 11 tháng thì ngưng không đóng hụi nữa, còn nợ lại chị 7 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 7.000.000 đồng.

- Dây thứ ba, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 30-10-2017, mãn ngày 30-5-2019. Vợ chồng chị N tham gia chơi một phần. Tháng đầu, chị N kêu 350.000 đồng và hốt được số tiền 12.350.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Số tiền chị N thực nhận là 11.850.000 đồng, chị N ký nhận hụi vào ngày 06-11-2017. Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi chết được 10 tháng thì ngưng không đóng hụi nữa, còn nợ lại chị 09 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 9.000.000 đồng (Trong đó có 6.000.000 đồng đã đến hạn và 3.000.000 đồng chưa đến hạn).

.- Dây thứ tư, hụi tháng 1.000.000 đồng, 21 phần, khui ngày 25-3-2018, mãn ngày 25-11-2019. Vợ chồng chị N tham gia chơi một phần. Đến tháng thứ 3, chị N kêu 410.000 đồng và hốt được số tiền 12.620.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Số tiền chị N thực nhận là 12.120.000 đồng, chị N nhận hụi vào ngày 30-5-2018, tuy nhiên chị N trừ 2.500.000 đồng tiền hui chết trước đó nên ghi giấy nhận số tiền là 9.630.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi chết được 03 tháng thì ngưng không đóng hụi nữa, còn nợ lại chị 15 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng (Trong đó có 7.000.000 đồng đã đến hạn và 8.000.000 đồng chưa đến hạn).

- Dây thứ năm, hụi tháng 500.000 đồng, 20 phần, khui ngày 25-3-2018, mãn ngày 25-10-2019. Vợ chồng chị N tham gia chơi một phần. Tháng đầu, chị N kêu 150.000 đồng và hốt được số tiền 6.650.000 đồng, trừ tiền cò 250.000 đồng. Số tiền chị N thực nhận là 6.400.000 đồng, chị N nhận hụi vào ngày 30-3-2018, trừ tiền hụi chết trước đó 2.640.000 đồng, chị N ký nhận số tiền là

3.760.000 đồng. Sau khi chị N hốt hụi, có một hụi viên khác xin tham gia chơi thêm 01 phần, chị có hỏi ý kiến chị N thì chị N đồng ý nên chị đưa thêm cho chị N số tiền 350.000 đồng. Số tiền này do đưa sau nên chị không yêu cầu chị N ký nhận. Như vậy, dây hụi này có 21 phần. Chị N đóng hụi chết được 05 tháng thì ngưng không đóng nữa, còn nợ lại chị 15 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 7.500.000 đồng (Trong đó có 3.500.000 đồng đã đến hạn và 4.000.000 đồng chưa đến hạn).

- Dây thứ sáu, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 15-8-2018, mãn ngày 15-3-2020. Vợ chồng chị N tham gia chơi một phần. Tháng đầu, chị N kêu 370.000 đồng và hốt được số tiền 11.970.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Số tiền chị N thực nhận là 11.470.000 đồng, chị N nhận hụi vào ngày 20-8-2018, trừ tiền hụi chết trước đó 2.000.000 đồng, chị N ký nhận số tiền là 9.470.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị N không đóng hụi chết, hiện còn nợ chị 19 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 19.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền hụi chết chị N, anh C nợ chị là 7.000.000 đồng + 5.000.000 đồng + 9.000.000 đồng + 15.000.000 đồng + 7.500.000 đồng + 19.000.000 đồng = 62.500.000 đồng.

Quá trình chơi hụi, chị N là người trực tiếp đi khui hụi, nhận tiền và ký giấy nhận tiền, tiền hụi chết có tháng chị N mang tới đóng cho chị, có tháng anh C mang tới đóng, có tháng chị đến nhà anh C, chị N để lấy.

Đến tháng 9-2018, do không thấy chị N đóng hụi nên chị có đến nhà chị N nhiều lần nhưng chỉ gặp anh C, anh C nói cho chị biết chị N đã bỏ đi và anh không biết hiện tại chị N đang ở đâu, nhưng để anh gọi điện nói cho chị N mang tiền đến đóng. Tuy nhiên, sau đó chị không thấy chị N đến đóng tiền hụi nên chị khởi kiện ra Tòa án. Nay chị yêu cầu chị N, anh C liên đới trả cho chị số tiền 62.500.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 01-3-2019, chị T cho rằng: Đối với dây hụi thứ 5, hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 25-3-2018, thực tế có 21 phần, vợ chồng chị N tham gia chơi 01 phần. Tháng đầu, chị N kêu 150.000 đồng và đã hốt được số tiền 7.000.000 đồng. Chị đã giao đủ cho chị N số tiền trên, nhưng do thời điểm chị đăng hụi cho chị N chỉ có 20 người chơi nên chị chỉ giao và yêu cầu chị N ký nhận số tiền 6.650.000 đồng, còn 350.000 đồng giao sau chị N không ký nhận. Do chị N vắng mặt, nhưng chị không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên chị xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Chị chỉ yêu cầu chị N, anh C liên đới trả số tiền 62.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-12-2018, anh Phan Thành C khai: Anh là chồng của chị Nguyễn Thanh N. Việc chị N chơi hụi do chị T làm chủ thảo anh có biết, nhưng cụ thể chị N chơi bao nhiêu dây, hụi bao nhiêu tiền và tiền hốt hụi dùng vào việc gì anh không biết. Chị N xuống Thành phố Hồ Chí Minh làm từ khoảng tháng 8-2018 đến nay. Sau khi chị N đi, anh có đóng cho chị T

được 02 tháng tiền hụi. Sau đó, chị T tiếp tục đến thu tiền hụi nhưng anh không có tiền nên hẹn chị T thêm mấy bữa nữa nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T yêu cầu anh và chị N liên đới trả số tiền 62.500.000 đồng, anh không đồng ý vì việc chị N chơi hụi anh không biết.

Đối với chị Nguyễn Thanh N đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp và kết quả của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm giải quyết vụ án thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thanh N và anh Phan Thành C có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền 62.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, chị Dương Thị Ngọc T và bị đơn, anh Phan Thành C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đối với chị Nguyễn Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nên căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, từ ngày 10-7-2017 đến ngày 15-8-2018, chị Nguyễn Thanh N có tham gia chơi 06 dây hụi do chị Dương Thị Ngọc T làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây thứ nhất, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 10-7-2017, mãn ngày 10-02-2019. Chị N tham gia chơi một phần. Ngày 10-8-2017, chị N kêu 350.000 đồng và hốt được số tiền 12.700.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Chị N ký nhận số tiền 12.500.000 đồng. Theo bảng kê chi tiết hụi viên đóng hụi hàng tháng do nguyên đơn giao nộp thì dây hụi này, chị N đóng hụi chết đến hết ngày 10-9-2018 thì ngưng. Như vậy, tính đến ngày mãn hụi (ngày 10-02-2019), chị N còn nợ chị T 05 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng.

- Dây thứ hai, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 20-8-2017, mãn ngày 20-3-2019. Chị N tham gia chơi một phần. Ngày 20-9-2017, chị N kêu 330.000 đồng và hốt được số tiền 13.060.000 đồng, trừ tiền cò 500.000

đồng. Chị N ký nhận số tiền 12.560.000 đồng. Theo bảng kê hụi viên đóng hụi thì chị N đóng đến hết ngày 20-8-2018 thì ngưng không đóng nữa. Như vậy, tính đến ngày mãn hụi (20-3-2019), chị N còn nợ chị T 7 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 7.000.000 đồng.

- Dây thứ ba, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 30-10-2017, mãn ngày 30-5-2019. Chị N tham gia chơi một phần. Ngày 30-10-2017, chị N kêu 350.000 đồng và hốt được số tiền 12.350.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Chị N ký nhận số tiền 11.850.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi đến hết ngày 30-8-2018 thì ngưng. Tính đến ngày mãn hụi (30-5-2019), chị N còn nợ chị T 09 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 9.000.000 đồng.

.- Dây thứ tư, hụi tháng 1.000.000 đồng, 21 phần, khui ngày 25-3-2018, mãn ngày 25-11-2019. Chị N tham gia chơi một phần. Ngày 25-5-2018, chị N kêu 410.000 đồng và hốt được số tiền 12.620.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Chị N ký nhận số tiền 12.120.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi chết đến hết ngày 25-8-2018 thì ngưng. Tính đến ngày mãn hụi (30-5-2019), chị N còn nợ chị T 15 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng.

- Dây thứ năm, hụi tháng 500.000 đồng, 20 phần, khui ngày 25-3-2018, mãn ngày 25-10-2019. Chị N tham gia chơi một phần. Ngày 25-3-2018, chị N kêu 150.000 đồng và hốt được số tiền 6.650.000 đồng, trừ tiền cò 250.000 đồng. Chị N ký nhận số tiền 6.400.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị N đóng hụi chết đến hết ngày 25-8-2018 thì ngưng. Tính đến ngày mãn hụi (25-10-2019), chị N còn nợ chị T 14 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 7.000.000 đồng.

- Dây thứ sáu, hụi tháng 1.000.000 đồng, 20 phần, khui ngày 15-8-2018, mãn ngày 15-3-2020. Chị N tham gia chơi một phần. Ngày 15-8-2018, chị N kêu 370.000 đồng và hốt được số tiền 11.970.000 đồng, trừ tiền cò 500.000 đồng. Chị N ký nhận số tiền 11.470.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị N không đóng hụi chết. Tính đến ngày hụi mãn (15-3-2020), chị còn nợ chị T 19 tháng hụi chết, tương ứng với số tiền 19.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền hụi chết chị N còn nợ chị T là 62.000.000 đồng. Do đó, việc chị T khởi kiện yêu cầu chị N phải trả số tiền 62.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với anh Phan Thành C không đồng ý liên đới cùng chị Nguyễn Thanh N trả tiền cho chị T, nhưng anh C thừa nhận anh và chị N là vợ chồng hợp pháp, việc chị N chơi hụi của chị T, anh có biết và anh cũng có tham gia góp hụi cho chị T. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định nghĩa vụ trả số tiền 62.000.000 đồng cho chị T là nghĩa vụ chung của chị N và anh C, do đó cần buộc chị N và anh C liên đới trả cho chị T số tiền 62.000.000 đồng.

[4] Về thời hạn trả tiền, theo khoản 1 Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường quy định "*Trong trường hợp thành viên không góp phần họ*

khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời đểm kết thúc họ". Như vậy, mặc dù trong số tiền 62.000.000 đồng chị T yêu cầu chị N, anh C trả, có 27.000.000 đồng chưa đến hạn thanh toán, nhưng do chị N, anh C đã vi phạm nghĩa vụ về việc góp hụi nên căn cứ khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP nêu trên thì việc chị T yêu cầu chị N, anh C có nghĩa vụ liên đới trả một lần số tiền 62.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị Nguyễn Thanh N và anh Phan Thành C phải liên đới chịu 3.100.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc T. Buộc chị Nguyễn Thanh N và anh Phan Thành C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Dương Thị Ngọc T số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thanh N và anh Phan Thành C phải chịu 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng).

Chị Dương Thị Ngọc T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.562.500 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0019277 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Phương